

lớn hơn





bằng

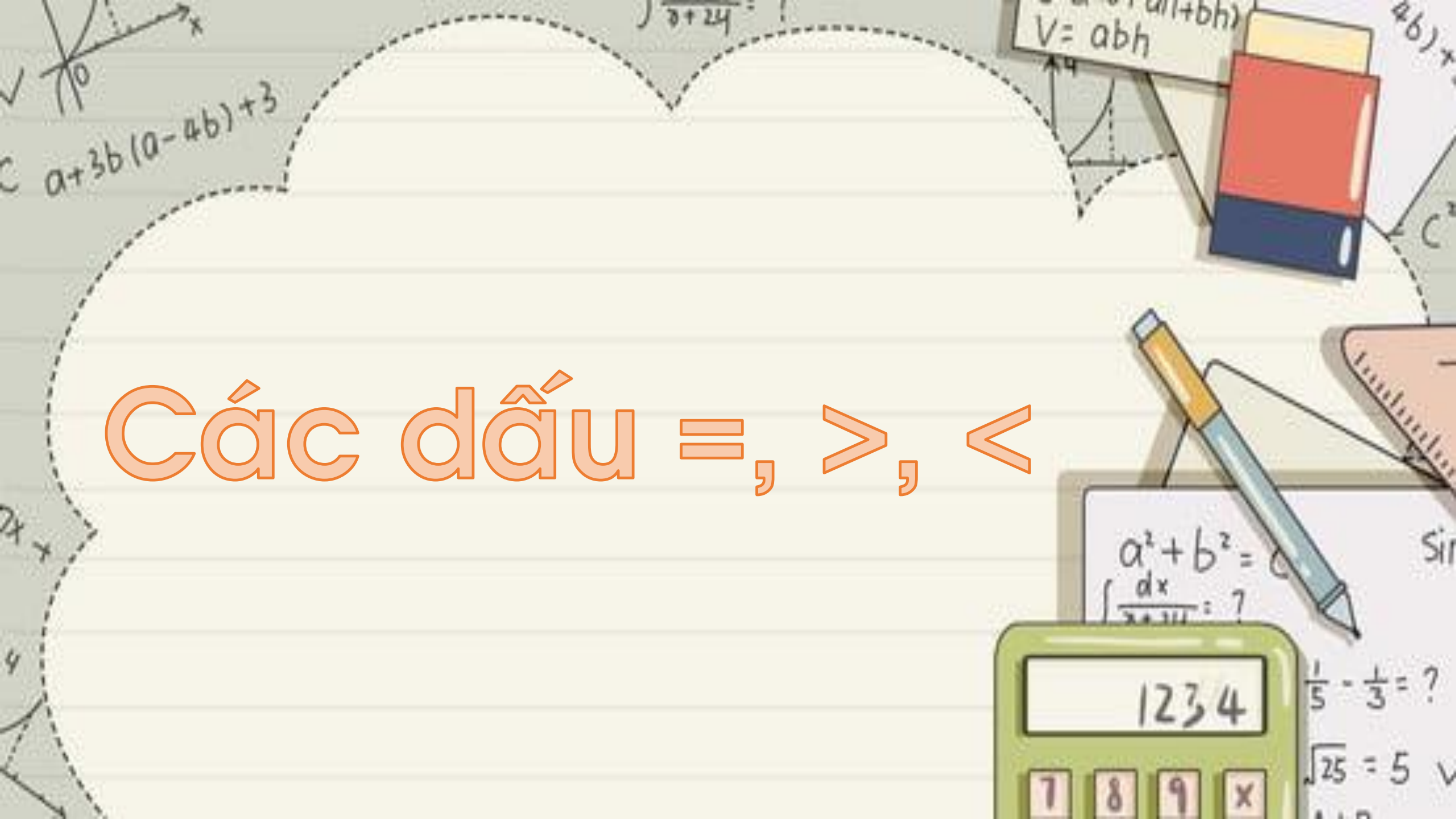


1

bé hơn



Các dấu $=$, $>$, $<$



TIẾT 1



HĐ 1: Giới thiệu dấu =



1. Giới thiệu dấu =

GV có thể thực hiện như sau: GV cho HS quan sát hình vẽ bên trái và yêu cầu:

“Các em hãy so sánh số đĩa và số tách” (mỗi tách đều có đĩa lót bên dưới, số đĩa và số tách bằng nhau).

“Các em tiếp tục so sánh số hình vuông và số hình tròn” (1 hình vuông nối với 1 hình tròn, số hình vuông bằng số hình tròn).

Có mấy hình vuông? (3) - GV viết 3 lên bảng lớp

Có mấy hình tròn? (3) - GV viết 3 lên bảng lớp

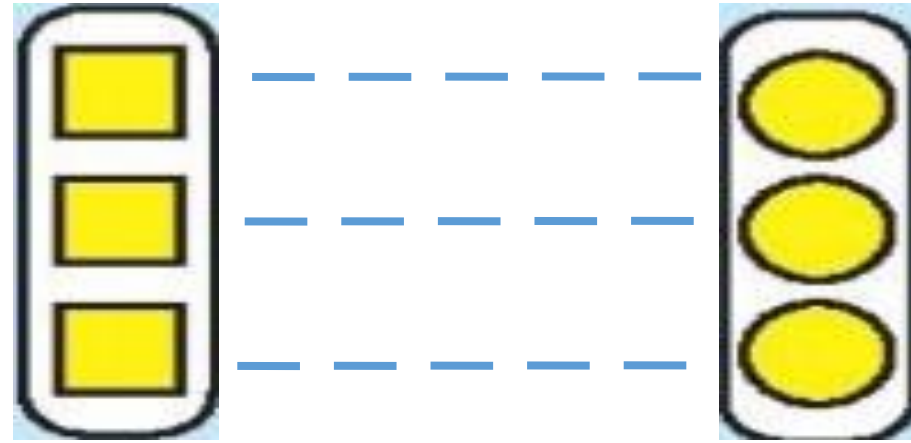
GV chỉ vào cặp số vừa viết trên bảng lớp (3 3) vừa yêu cầu: “Các em hãy so sánh 3 và 3” (ba bằng ba)

Để viết 3 **bằng** 3, ta dùng dấu =. GV viết dấu = vào giữa hai số: (3 = 3)

GV đọc: ba **bằng** ba. HS đọc ba **bằng** ba.

GV viết trên bảng lớp (hoặc đưa bảng con) một vài trường hợp, HS đọc:

$$2 = 2; \quad 4 = 4; \quad 1 = 1$$



$$3 = 3$$

Ba **bằng** ba

=

dấu bằng



=



=



=



=



HĐ2:

Giới thiệu dấu $>$, $<$



2. Giới thiệu dấu >, <

– Dấu >

Thực hiện tương tự như giới thiệu dấu =

“Các em hãy so sánh số đĩa và số tách” (3 tách có đĩa lót bên dưới, 1 tách không có đĩa lót bên dưới. Vậy số tách nhiều hơn số đĩa).

“Các em tiếp tục so sánh số hình vuông và số hình tròn” (1 hình vuông nổi với 1 hình tròn, số hình vuông nhiều hơn số hình tròn).

- GV chỉ vào cặp số (đã viết sẵn trên bảng lớp 4 > 3):
Hãy so sánh 4 và 3 (HS **đồng thanh**: 4 **lớn hơn** 3).
Để viết 4 **lớn hơn** 3, ta dùng **dấu lớn hơn** (GV viết vào giữa hai số: $4 > 3$).
HS **đọc**: 4 **lớn hơn** 3.
- HS **đọc** một vài trường hợp
 $4 > 2$; $5 > 3$; $3 > 1$.

– Dấu <

Thực hiện tương tự như trên.

– Thực hành sử dụng dấu <, >

Có thể tiến hành như sau:

Lần chơi thứ nhất:

- GV gắn sẵn bốn thẻ dấu trên bảng lớp
 $<$ $>$ $>$ $<$
- Mỗi lần bốn HS lên, mỗi HS đứng ở một dấu
 $<$ $>$ $>$ $<$



- Mỗi HS nhận hai thẻ chữ số khác nhau.
Theo hiệu lệnh của GV, mỗi bạn **gắn** hai thẻ vào vị trí thích hợp.
Ví dụ: $4 < 5$ $5 > 1$ $3 > 2$ $2 < 4$
- HS dưới lớp **nhận xét, cổ vũ** và đọc: 4 bé hơn 5, ...

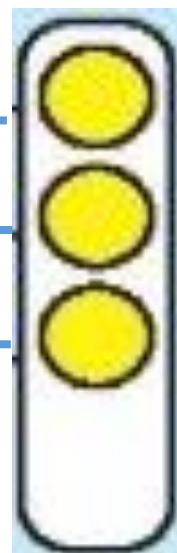
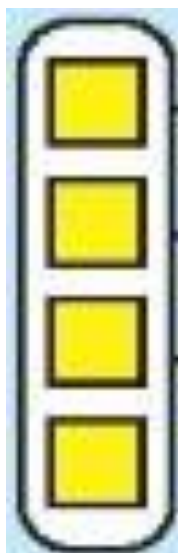
Lần chơi thứ hai:

GV gắn sẵn các cặp số trên bảng lớp.
HS dùng thẻ dấu đặt vào vị trí thích hợp.

Lần chơi thứ ba:

HS dùng hai thẻ chữ số và một thẻ dấu để so sánh số.

Hoạt động này ý tưởng của e khác so với SGK



$$4 > 3$$

Bốn **lớn** hơn ba



dấu lớn hơn

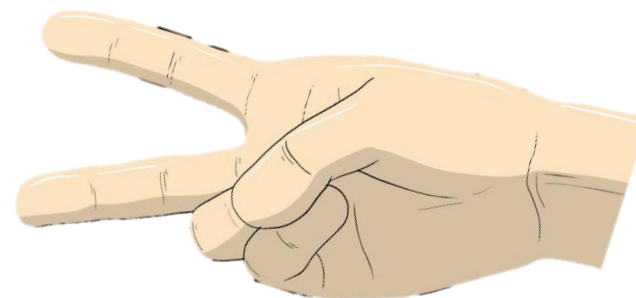
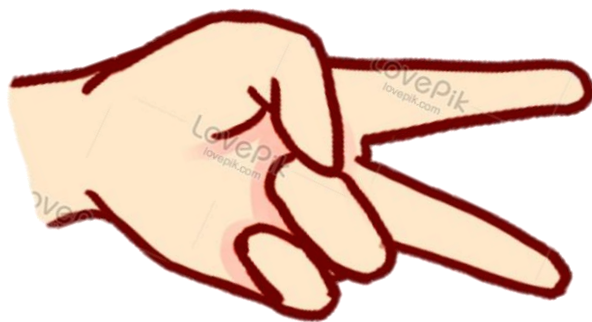
$$3 < 4$$

Ba **bé** hơn bốn



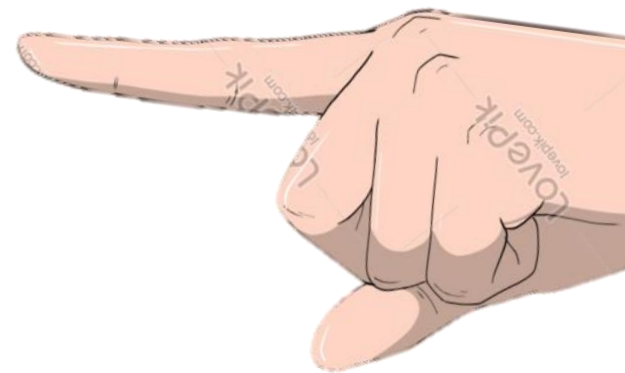
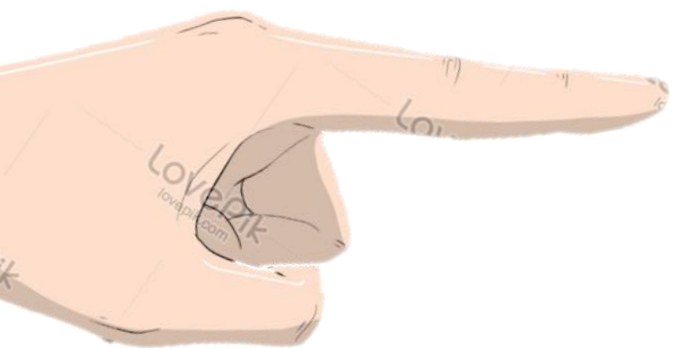
dấu bé hơn

Cô sẽ hướng dẫn các bạn cách phân biệt dấu $>$, $<$ bằng hình tượng chú cá sấu dễ thương sau đây



GV nói: Xin chào các bạn , tớ là dấu bé hơn.
GV thao tác giờ 2 ngón tay bên tay trái
Còn tớ là dấu lớn hơn. GV thao tác giờ 2 ngón
tay bên tay phải

GV yêu cầu HS làm theo bằng hiệu lệnh sau:
Cá sấu đâu là cá sấu đâu?
Cá sấu đây là cá sấu đây.
Cá sấu lớn đâu là cá sấu lớn đâu?
Cá sấu lớn đây là cá sấu lớn đây? (HS giơ tay phải)
Hỏi tương tự với cá sấu nhỏ

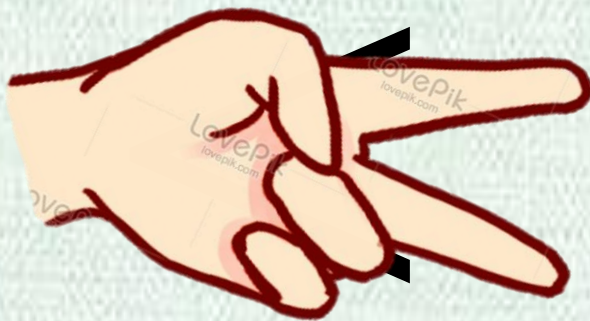


Hướng dẫn HS thêm cách để tay tạo thành dấu bằng



GIÓ THỔI

Gió thổi gió thổi
Thổi gì thổi gì
Thổi tay thành dấu lớn
HS thao tác
Tương tự với dấu bé, dấu bằng



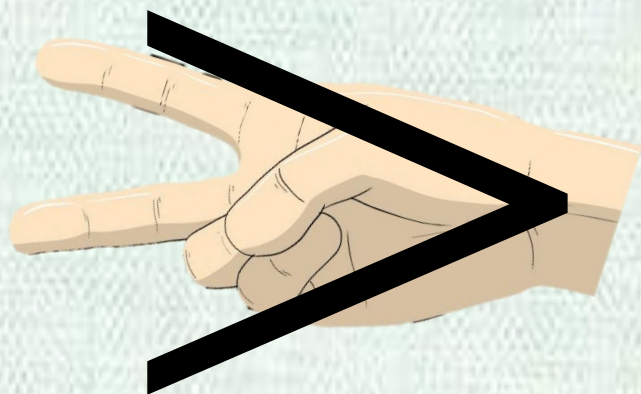
Gió thổi gió thổi

Thổi gì thổi gì

Thổi tay các bạn thành dấu. (không nói dấu gì)

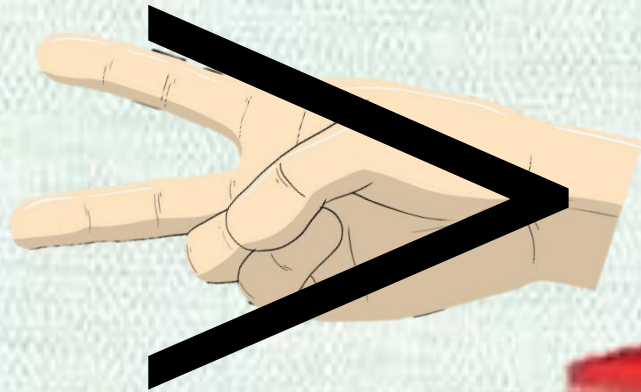
HS thao tác

Câu hỏi Tương tự với các slide dưới



5





HĐ3:

Thực hành viết các dấu $>$, $<$



1 VIẾT DẤU >

VINACARTOON



3. Thực hành viết các dấu =, >, <

Với mỗi dấu, GV tiến hành như sau:

- Phân tích các nét, hướng dẫn cách viết.
- HS: Dùng ngón tay **đỏ** theo các nét ở miệng cá sấu (SGK trang 36).
Dùng ngón tay **tô khan** trên bảng con.
Dùng bút/phấn **viết** trên bảng con (mỗi dấu ba lần).

1 VIẾT DẤU <

VINACARTOON



1 VIẾT DẤU =

VINACARTON



TIẾT 2



LUYỆN TẬP





5 > 4

Bài 1:

– Tìm hiểu mẫu, GV có thể tiến hành như sau:

- Ở bên trái có mấy chấm tròn? (5) – GV viết 5 (bảng lớp).
- Ở bên phải có mấy chấm tròn? (4) – GV viết 4.

- HS sử dụng bảng con:

Dùng dấu >, =, < so sánh 5 và 4 ($5 > 4$).

Đọc: 5 lớn hơn 4.

GV giúp HS nhận biết: Cần phải viết số chỉ số chấm tròn ở mỗi hình.

So sánh hai số vừa viết.


– GV nhắc HS, khi làm xong một câu, kiểm tra xem có đúng với câu “**Hã hòng bên nào bên đó lớn**” không?





1
























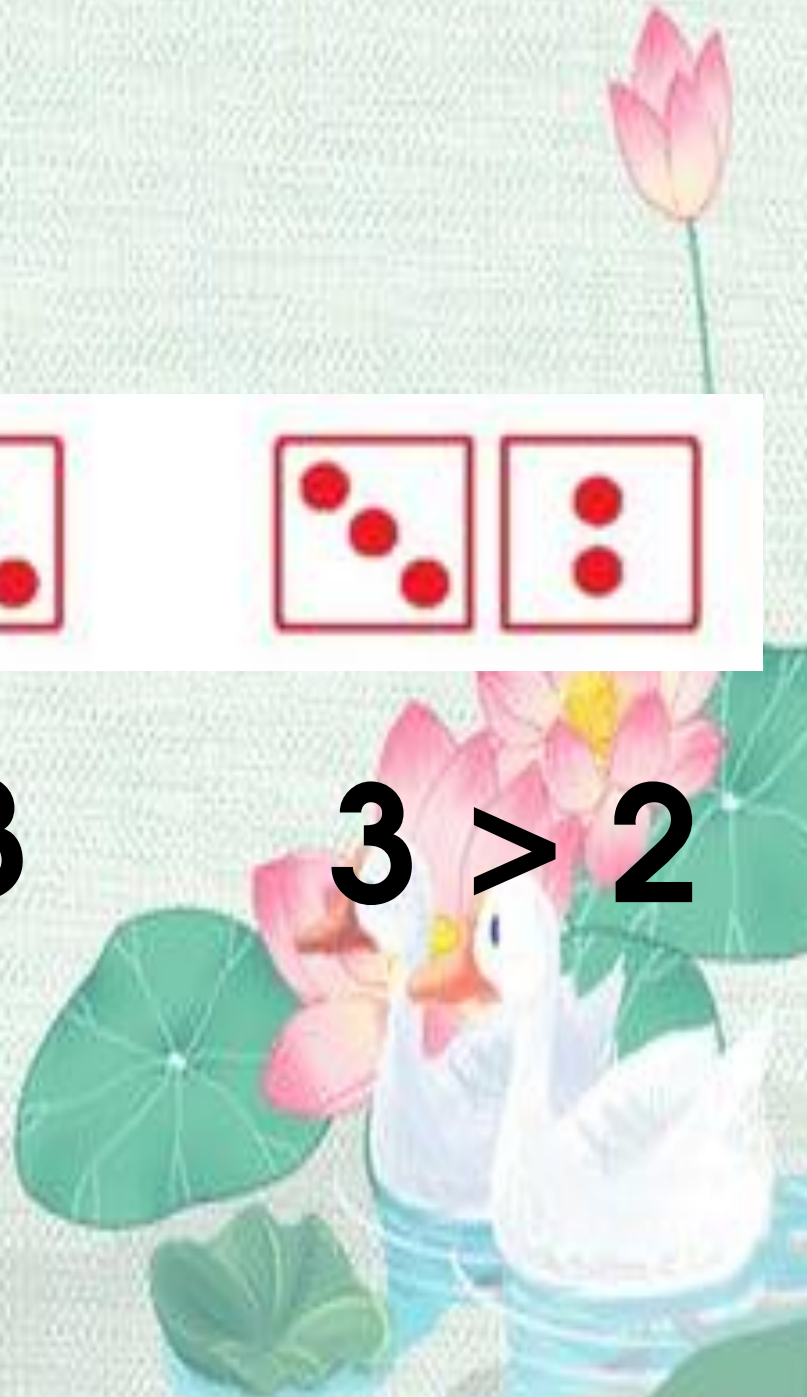


$1 < 4$

$2 = 2$

$2 < 3$

$3 > 2$

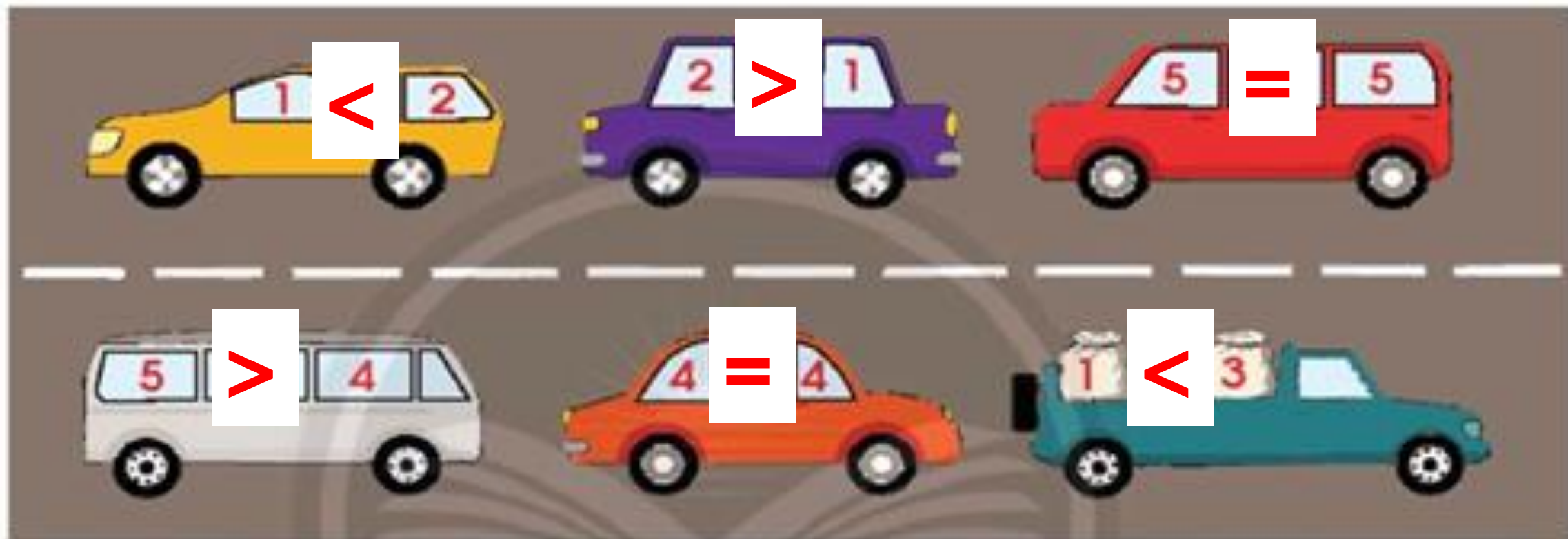


2



Bài 2:

- Tìm hiểu bài, HS **quan sát** tranh.
- GV giải thích: dùng **các dấu >, =, <** **so sánh** các cặp số ở mỗi xe.
- Khi sửa bài, GV có thể dùng các hình thức cả lớp đưa bảng để GV kiểm tra, nhận xét hoặc HS trình bày trước lớp.
- HS chơi tiếp sức.
- Mở rộng: giáo dục an toàn giao thông.



3 Số ?

1 2 3 4 5

? < 3

? > 3

1 2

4 5

Bài 3:

- GV cho HS đọc dãy số từ 1 đến 5 và ngược lại
- GV đặt vấn đề: 3 lớn hơn những số nào; những số nào lớn hơn 3.
- Tìm cách làm
- GV giúp HS **hình dung** trong dãy số từ 1 đến 5, số 3 **đứng sau** số nào để tìm những số bé hơn 3 và ngược lại.
- HS làm rồi trình bày cách làm. GV khuyến khích nhiều em nói.



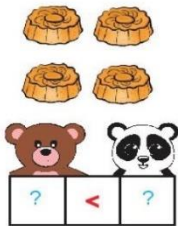


Chia bánh cho em gấu.

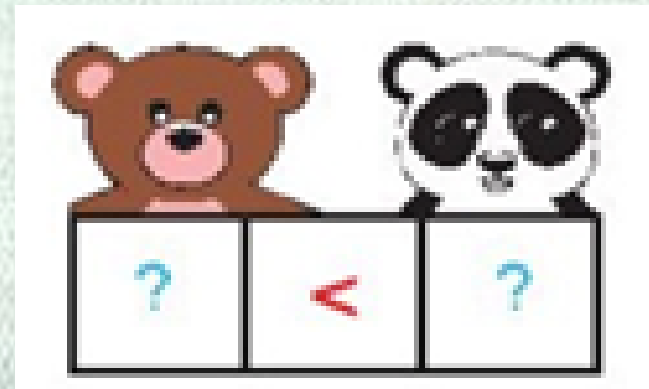


THỬ THÁCH

- Phân tích mẫu:
GV chuẩn bị hình vẽ



- GV đọc yêu cầu của bài: chia bánh cho anh em Gấu.
Gấu nào? (Gấu Xám và Gấu Trúc – mặc dù màu nâu nhưng loại này có tên là Gấu Xám).
GV chỉ tay vào dấu < và hỏi:
Bánh được chia thế nào? (phần bánh của Gấu Xám **ít hơn** Gấu Trúc).
GV giải thích: vì số bánh của Gấu Xám **bé hơn** số bánh của Gấu Trúc.
- GV giúp HS **nhận biết**, cần phải **tách** 4 cái bánh thành hai phần: một phần ít, một phần nhiều.
- HS tự chia, thông báo kết quả.
GV tách 4 cái bánh thành hai nhóm: 1 và 3, viết 1 và 3 vào ô trống.
- Vậy Gấu Xám 1 cái, Gấu Trúc 3 cái.
- HS có thể chia bằng hai cách:
5 **gồm** 1 và 4
5 **gồm** 2 và 3.
- Khuyến khích HS **trình bày, giải thích** (chú ý vào việc giải thích vì sao phần bánh của Gấu Xám **ít hơn** phần bánh của Gấu Trúc).



CỦNG CỐ

Có thể dùng trò chơi: Ai nhanh hơn?

Ví dụ:

GV gắn lên bảng lớp hai nhóm: 2 khối lập phương và 5 khối hộp chữ nhật.

GV nêu yêu cầu: Dùng các dấu $>$, $=$, $<$ **so sánh** số khối lập phương và khối hộp chữ nhật.

HS **ghi** ra bảng con: $2 < 5$ (hoặc $5 > 2$).

GV chọn bảng và khuyến khích HS **nói**:

2 khối lập phương **ít hơn** 5 khối hộp chữ nhật, 2 **bé hơn** 5

hoặc: 5 khối hộp chữ nhật **nhiều hơn** 2 khối lập phương, 5 **lớn hơn** 2.

CỦNG CỐ

AI NHANH HƠN



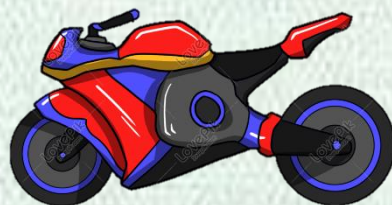


2 < 3



4 < 1





4 < 1



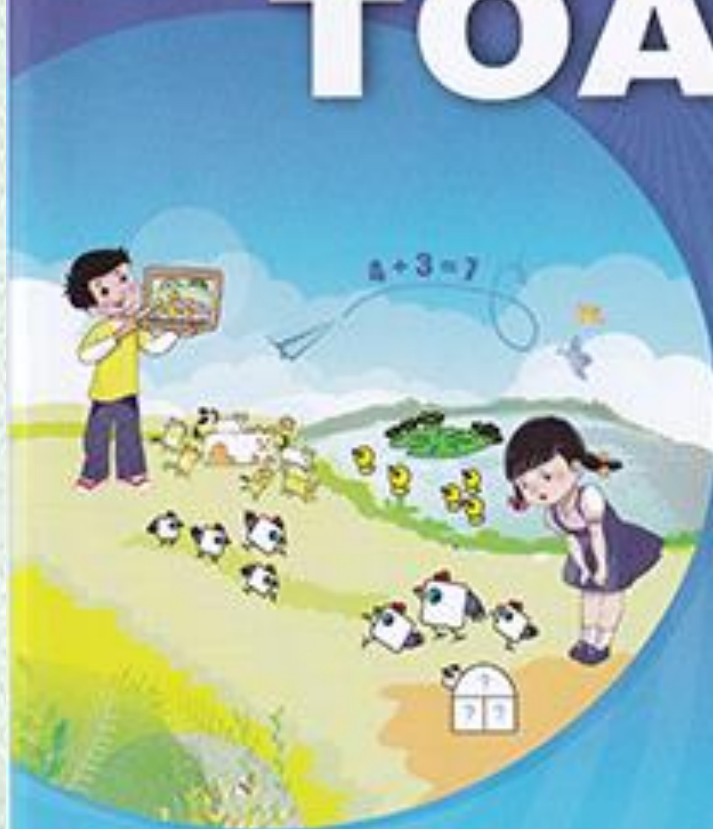
TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên) – KHUÊ THANH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KINH ĐỨC
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỖNH THỊ KIM TRANG

Vở bài tập

TOÁN



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Tr.28

1



2

Viết 3 và 5 vào ô trống.

BTVN

	<	
--	---	--

	>	
--	---	--

	<	
--	---	--

	>	
--	---	--

	>	
--	---	--

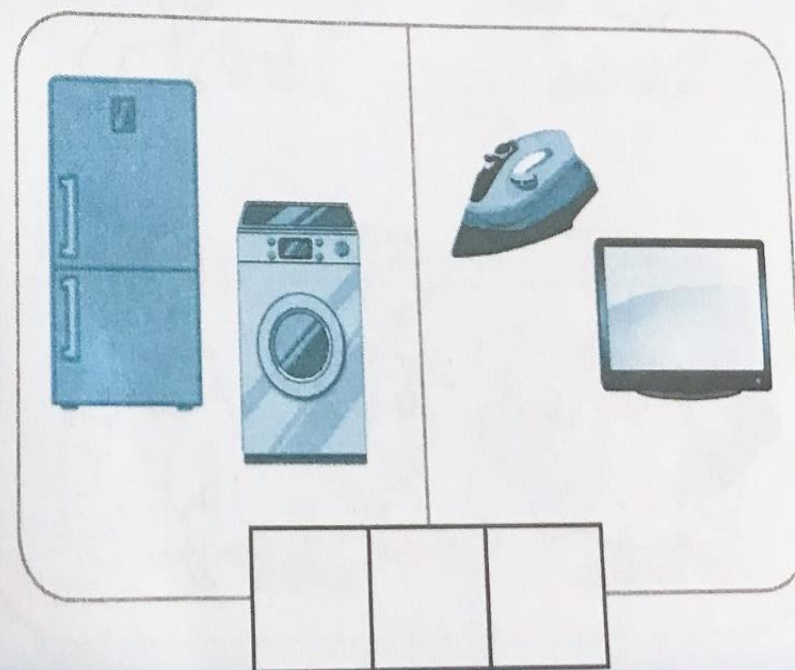
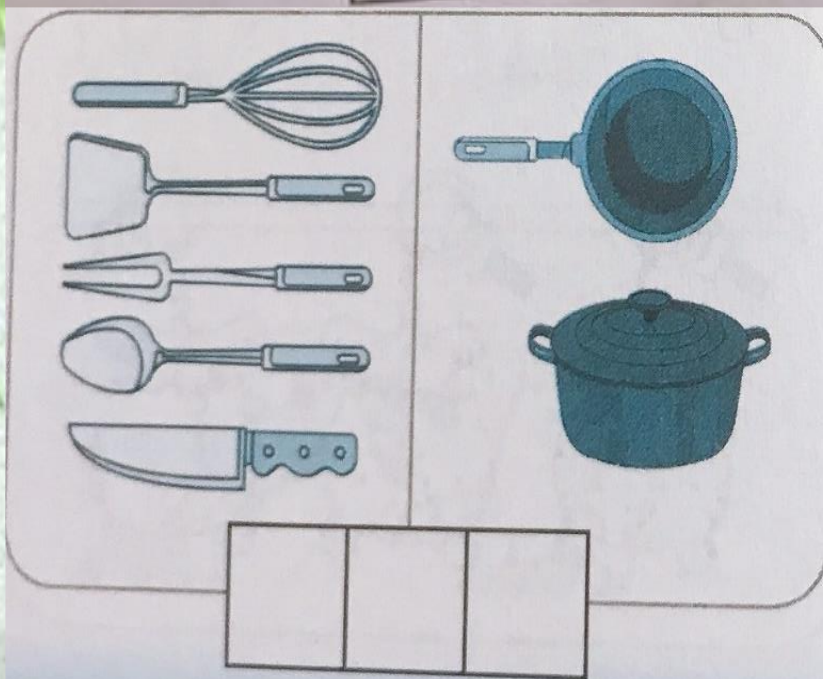
	<	
--	---	--

	>	
--	---	--

	<	
--	---	--

BTVN

3 < 5



4

>

=

<

?

1		3
---	--	---

4		4
---	--	---

2		4
---	--	---

5		4
---	--	---

4		5
---	--	---

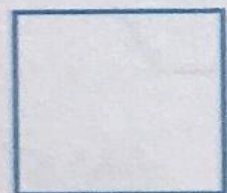
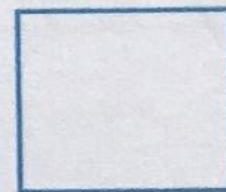
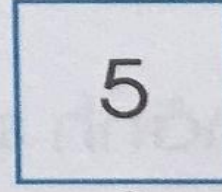
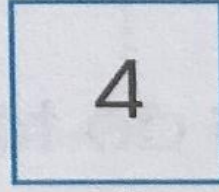
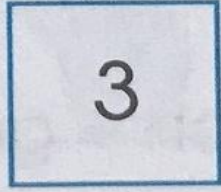
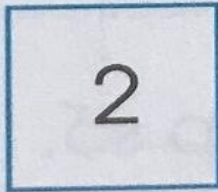
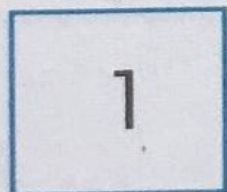
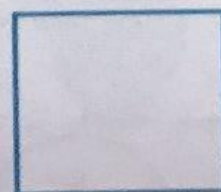
5		5
---	--	---

2012



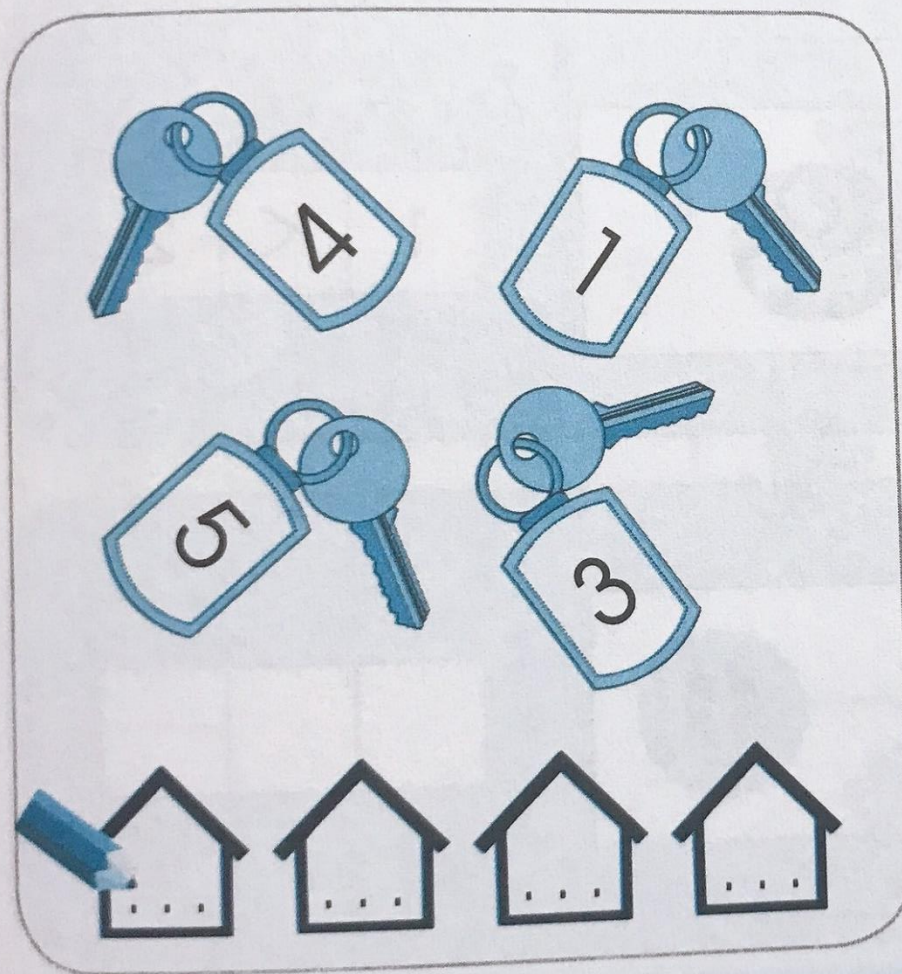
5

Nối.

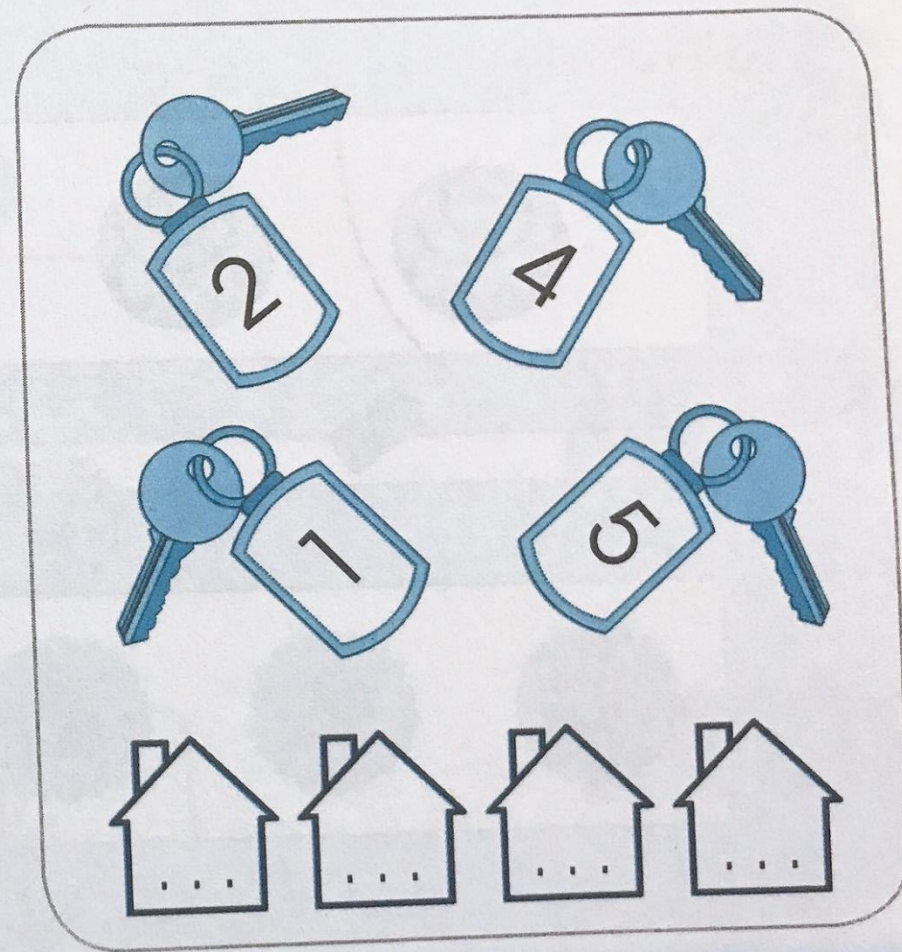
 < 3  $= 3$  > 2  $1 <$  < 3

6 Viết các số theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn.

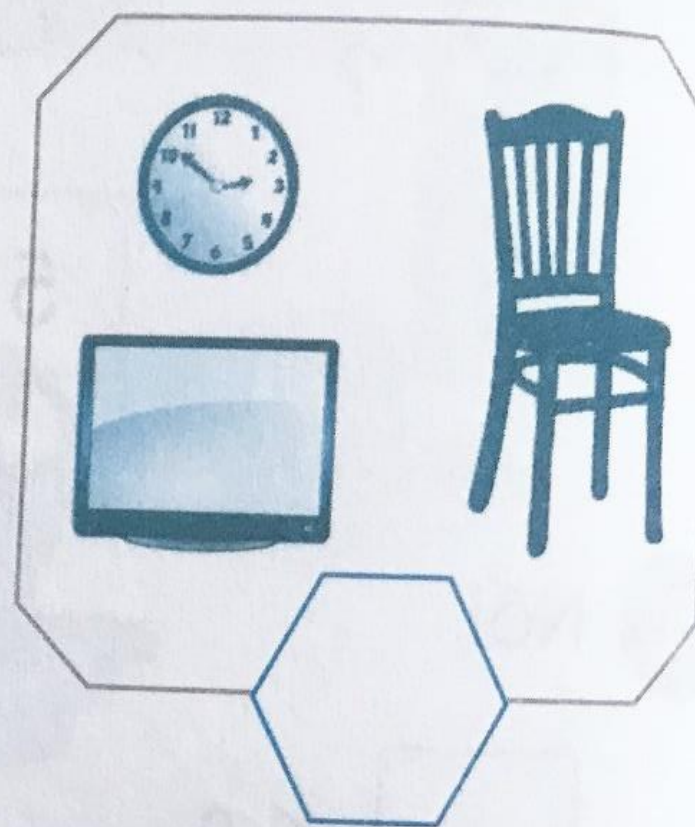
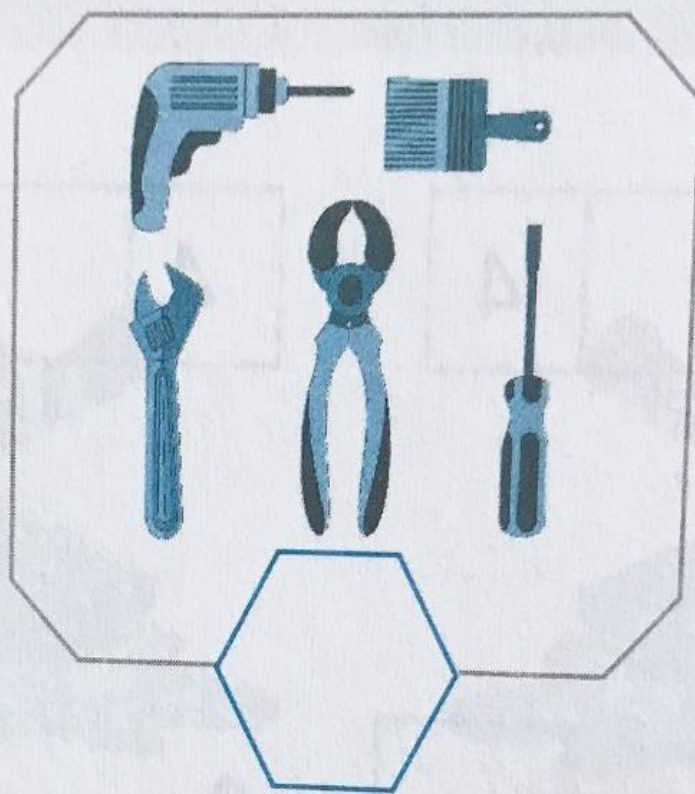
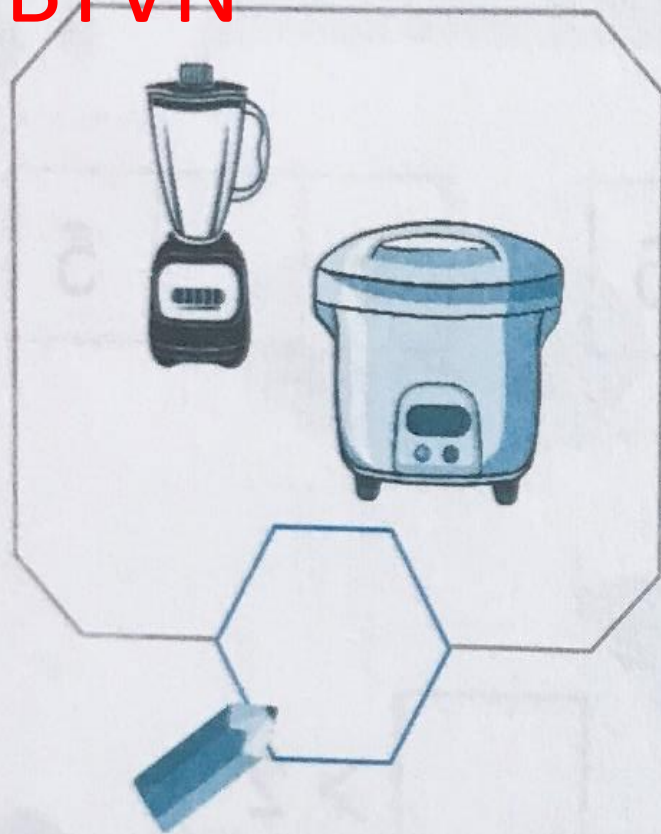


b) Từ lớn đến bé.



7 Viết số rồi đánh dấu (✓) vào số lớn nhất.

BTVN



8

a) Khoanh vào số lớn nhất:

1

4

3

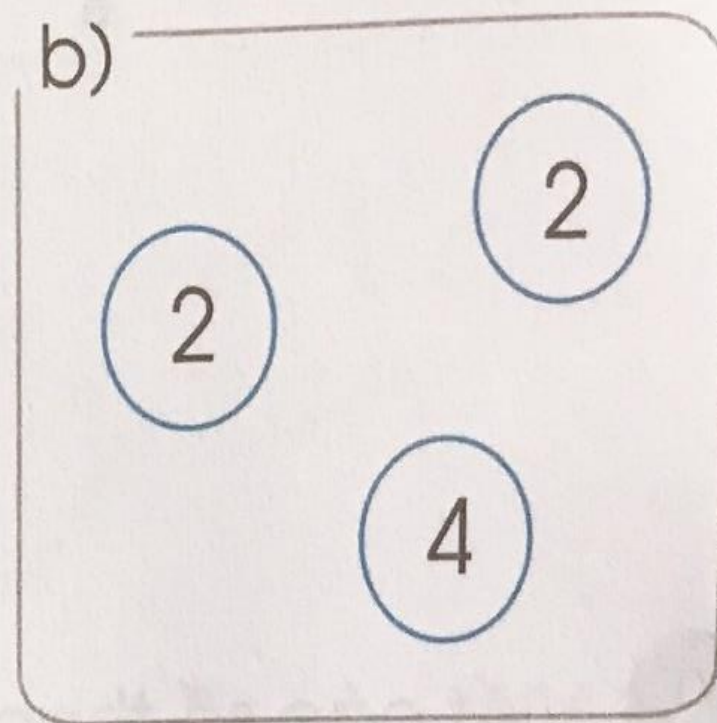
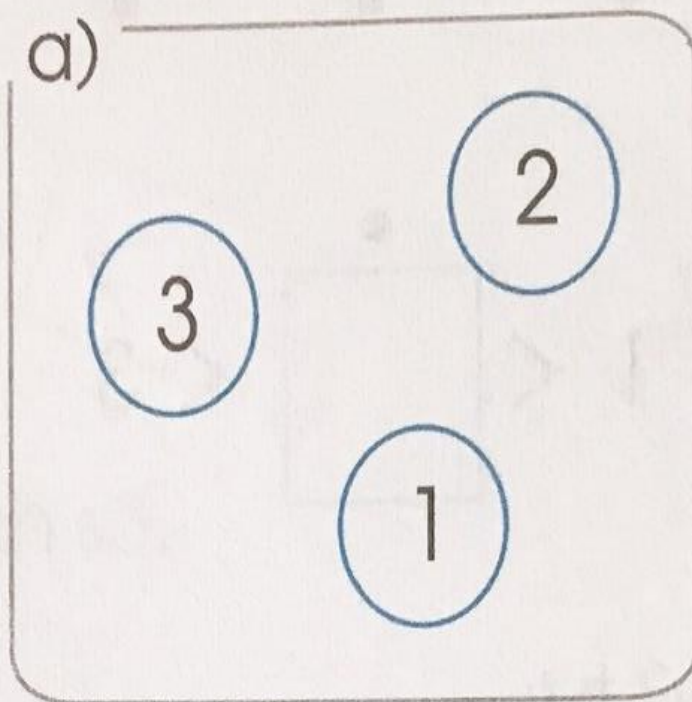
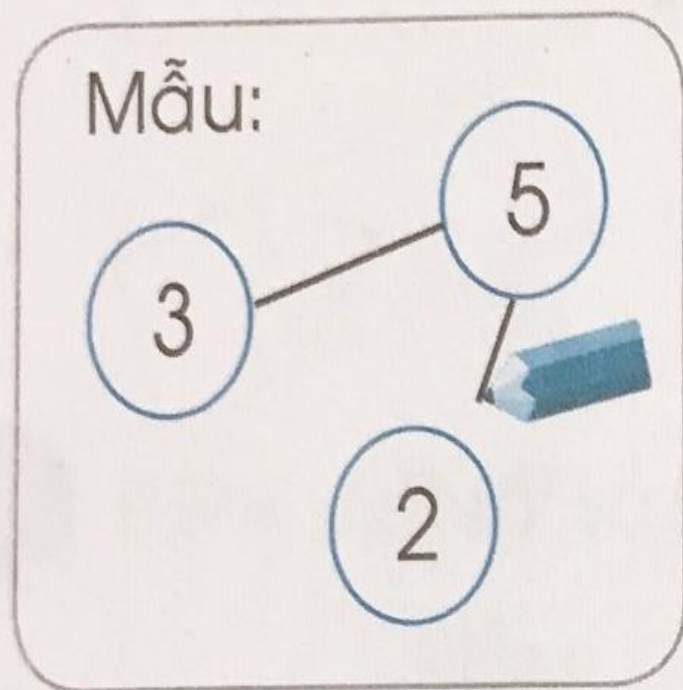
b) Khoanh vào số bé nhất:

4

5

2

9 Nối để tạo thành sơ đồ tách – gộp số.



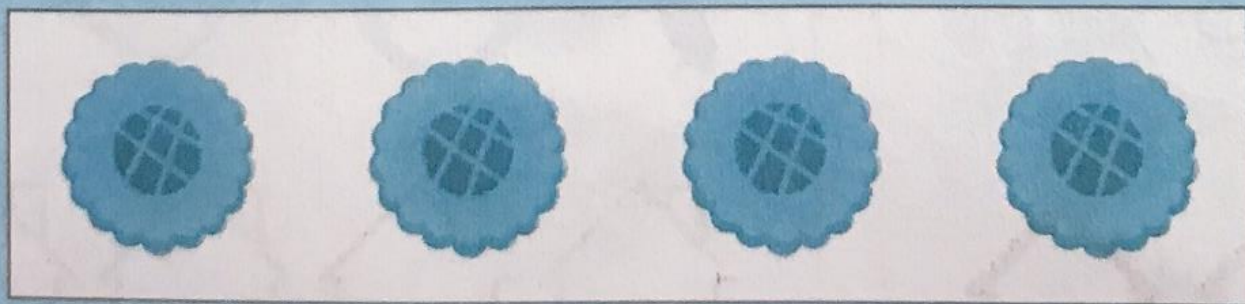
10

Tách, viết số rồi so sánh.

Mẫu:



1	<	2
---	---	---



--	--	--